

Số: /QĐ-CNSH

Hà Nội, ngày tháng năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Về việc qui định cụ thể công tác tuyển sinh nghiên cứu sinh
theo Quy chế 10/2009

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Căn cứ Quyết định số 1984/QĐ-KHCNVN ngày 26/11/2008 của Chủ tịch Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ sinh học;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Công văn số 4675/BGDĐT-GDDH ngày 08/6/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và tuyển nghiên cứu sinh 2009;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành "Qui định cụ thể công tác tuyển sinh nghiên cứu sinh theo Quy chế 10/2009" của Viện Công nghệ sinh học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý tổng hợp, Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để Báo cáo);
- Lưu: VT.HH5.

VIỆN TRƯỞNG

Trương Nam Hải

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ TUYỂN SINH NGHIÊN CỨU SINH THEO QUI CHẾ 10/2009

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CNSH ngày tháng năm 2009 của
Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học)*

1. Quy định về văn bằng, ngành học, kết quả học tập

a) Người có bằng Thạc sĩ

- Người dự tuyển phải có bằng Thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi. Trong trường hợp không phù hợp thì phải có bằng Đại học chính qui phù hợp và có ít nhất một công trình đăng trên Tạp chí hoặc Hội nghị khoa học chuyên ngành.

b) Người chưa có bằng Thạc sĩ

- Người dự tuyển phải có bằng Đại học chính qui đạt loại khá trở lên, đúng chuyên ngành phù hợp và phải thi các môn theo chương trình đào tạo Thạc sĩ, đồng thời, dự tuyển theo chương trình đào tạo nghiên cứu sinh.

2. Kinh nghiệm hoạt động chuyên môn

Công trình công bố, giải thưởng và thâm niên công tác được tính điểm ưu tiên khi xem xét Hồ sơ.

3. Trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển đối với từng chuyên ngành đào tạo

a. Người dự tuyển được miễn thi môn ngoại ngữ nếu:

- Có bằng đại học hoặc thạc sĩ ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh;
- Có bằng tốt nghiệp đại học tiếng Anh;
- Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL (Institutional hoặc International) 450 điểm, TOEFL iBT 61 điểm, TOEFL ITP (nội bộ) 500 điểm hoặc IELTS 5.0 điểm, các chứng chỉ tiếng Anh này có giá trị trong 2 năm kể từ ngày dự thi lấy chứng chỉ;
- Có chứng chỉ ngoại ngữ còn giá trị của Đại học Quốc gia Hà Nội xác nhận trình độ dự tuyển tiến sĩ.

b. Người dự tuyển phải thi môn ngoại ngữ nếu không có một trong bốn điều kiện được miễn thi ngoại ngữ.

4. Qui định cụ thể về đánh giá và phân loại thí sinh qua hồ sơ

STT	Nội dung đánh giá	Điểm
1	Kết quả học tập ở bậc cử nhân và thạc sĩ	
1.1	Bậc Cử nhân	
	Bằng tốt nghiệp xếp loại Giỏi	2
	Bằng tốt nghiệp xếp loại Khá	1
1.2	Bậc Thạc sĩ	
	Điểm học tập toàn khóa đạt từ 8,0 trở lên	3
	Điểm học tập toàn khóa đạt dưới 8,0	2
2	Thành tích nghiên cứu khoa học (qua bài báo và giải thưởng khoa học)	
	Bài báo quốc tế nếu người dự thi là tác giả đứng đầu	2
	Bài báo quốc tế nếu người dự thi là tác giả đứng sau	1
	Bài báo quốc gia nếu người dự thi là tác giả đứng đầu	1
	Bài báo quốc gia nếu người dự thi là tác giả đứng sau	0,5
	Giải thưởng cấp Quốc gia	1
	Giải thưởng cấp Bộ	0,5
3	Kết quả trình bày và bảo vệ đề cương nghiên cứu sinh (Bài luận)	
	Đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu; Lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu; Mục tiêu và kết quả mong muốn đạt được; Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; Kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; Những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như chuẩn bị trong lĩnh vực nghiên cứu; Dự kiến làm việc sau khi tốt nghiệp; Đề xuất người hướng dẫn	0 - 6
4	Năng lực ngoại ngữ	
	Điểm tiếng anh TOEFL trên 500 hoặc IELTS trên 5.5	1
5	Kinh nghiệm chuyên môn	
	Công tác chuyên môn trên 24 tháng	1
6	Thư giới thiệu của 2 nhà khoa học	0
	Có tính khả thi cao (bắt đầu thực hiện đề tài cấp Nhà nước KC và tương đương với thời gian ≥ 3 năm)	1
	Có tính khả thi trung bình (thực hiện đề tài cấp bộ trở xuống với thời gian ≤ 2 năm)	0,5
7	Con em thương binh liệt sỹ, có công với cách mạng, dân tộc thiểu số	1

**DANH MỤC CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU, LĨNH VỰC, ĐỀ TÀI
NHẬN NGHIÊN CỨU SINH NĂM 2009 - 2012 VÀ SỐ LƯỢNG NCS TIẾP NHẬN
(Viện Công nghệ sinh học)**

STT	Hướng nghiên cứu, Lĩnh vực nghiên cứu, Đề tài nghiên cứu cần nhận NCD	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn	Số lượng NCS có thể tiếp nhận
1.	Sinh học phân tử thực vật	GS.TS. Lê Trần Bình TS. Chu Hoàng Hà TS. Lê Văn Sơn	2-3
2.	Công nghệ gen	GS.TS. Lê Trần Bình TS. Chu Hoàng Hà TS. Lê Văn Sơn	1-2
3.	Hóa sinh protein	PGS.TS. Phan Văn Chi TS. Nguyễn Bích Nhi	1-2
4.	Proteomic	PGS.TS. Phan Văn Chi TS. Nguyễn Bích Nhi	1-2
5.	Vaccine tái tổ hợp	PGS. TS. Trương Nam Hải TS. Nguyễn Thị Trung	1
6.	Kit phát hiện tác nhân gây bệnh	PGS. TS. Trương Nam Hải TS. Lê Thị Thu Hồng	1
7.	Nghiên cứu transcriptomics, proteomics, metabolomics	PGS.TS. Trương Nam Hải	1-2
8.	Sinh học phân tử	PGS. TS. Trương Nam Hải	1-2
9.	Tạo kháng thể đơn dòng kháng nguyên marker ung thư để tạo kit ELISA chẩn đoán sớm bệnh	TS. Đỗ Thị Thảo	1

10.	Ứng dụng các bioassay để tìm hoạt chất phòng chống ung thư, kháng viêm,...	TS. Đỗ Thị Thảo	1
11.	Ứng dụng kỹ thuật Microarray để nghiên cứu cơ chế tác động chống ung thư của các hoạt chất tiềm năng	TS. Đỗ Thị Thảo	1
12.	Đa dạng vi sinh vật và ứng dụng chúng trong xử lý môi trường	PGS.TS. Lại Thúy Hiền	2
13.	Vi sinh vật dầu mỏ, Vi sinh vật biển	PGS.TS. Lại Thúy Hiền	2
14.	Vi sinh vật học	PGS.TS. Lê Gia Hy TS. Phạm Thị Bích Hợp	1
15.	Vi sinh vật học và công nghệ sinh học	PGS.TS. Ngô Đình Bình	1
16.	Hóa sinh thực vật	TS. Nguyễn Văn Thiết TS. Võ Hoài Bắc TS. Nguyễn Thị Mai Phương	1
17.	Sinh học phân tử	PGS.TS. Nguyễn Văn Cường TS. Nguyễn Diệu Thúy TS. Thẩm Thị Thu Nga	1
18.	Sinh học phân tử và Công nghệ sinh học môi trường	TS. Nghiêm Ngọc Minh	1
19.	Di truyền phân tử	PGS.TS. Nguyễn Văn Cường TS. Nguyễn Diệu Thúy TS. Thẩm Thị Thu Nga	1
20.	Nghiên cứu ứng dụng vi khuẩn quang hợp tía trong công nghệ môi trường, cụ thể xử lý các nguồn nước thải giàu hữu cơ chứa hàm lượng sulfur cao	PGS.TSKH. Trần Văn Nhị TS. Đỗ Thị Tố Uyên	1
21.	Nghiên cứu cấu trúc và chức năng hoạt động của bộ máy quang hợp của một số loài vi tảo và tảo biển	TS. Đặng Diễm Hồng TS. Đinh Thị Thu Hằng	1
22.	Nghiên cứu khai thác các chất có hoạt tính sinh học từ tảo (như các axit béo không bão hòa đa nối đôi, các chất kháng khuẩn, kháng viêm, chất chống bám dính, mỹ phẩm...) và định hướng ứng dụng làm dược phẩm	TS. Đặng Diễm Hồng TS. Đinh Thị Thu Hằng	1

23.	Nghiên cứu các đặc điểm sinh học và qui trình nuôi trồng sử dụng vi tảo giàu dinh dưỡng trong nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam	TS. Đặng Diễm Hồng TS. Đinh Thị Thu Hằng	1
24.	Nghiên cứu đặc điểm sinh học và tiềm năng ứng dụng của các chi vi tảo biển dị dưỡng phân lập được ở Việt Nam như Labyrinthula, Schizochitryum, Ulkenia...	TS. Đặng Diễm Hồng TS. Đinh Thị Thu Hằng	1
25.	Nghiên cứu đặc điểm sinh học của vi tảo và qui trình công nghệ sử dụng vi tảo trong xử lý các loại nước thải khác nhau ở Việt Nam	TS. Đặng Diễm Hồng TS. Đinh Thị Thu Hằng	1
26.	Nghiên cứu cơ sở khoa học và qui trình công nghệ nuôi trồng sử dụng tảo biển Việt Nam trong việc làm giảm hiệu ứng khí thải nhà kính	TS. Đặng Diễm Hồng TS. Đinh Thị Thu Hằng	1
27.	Nghiên cứu cơ sở khoa học và quy trình công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học từ sinh khối vi tảo biển ở Việt Nam	TS. Đặng Diễm Hồng TS. Đinh Thị Thu Hằng	1
28.	Vi sinh phân tử	PGS.TS. Đinh Duy Kháng TS. Đinh Thương Vân	1
29.	Chế tạo kit chẩn đoán bệnh	PGS.TS. Đinh Duy Kháng TS. Đinh Thương Vân	1
30.	Chế tạo các sinh phẩm dùng trong kiểm định vaccine	PGS.TS. Đinh Duy Kháng TS. Đinh Thương Vân	1
31.	Hóa sinh học	TS. Quyền Đình Thi TS. Đỗ Thị Tuyên	1
32.	Sinh lý học người và động vật	TS. Quyền Đình Thi TS. Đỗ Thị Tuyên	1
33.	Enzyme học	TS. Quyền Đình Thi TS. Đỗ Thị Tuyên	1
34.	Công nghệ sinh học	TS. Quyền Đình Thi TS. Đỗ Thị Tuyên	1

35.	Nghiên cứu đa dạng vi sinh vật, đa dạng gene chức năng, enzyme ngoại bào tham gia phân phân hủy (theo cơ chế oxy hóa cắt vòng, loại clo, loại khử clo và xúc tác bởi enzyme ngoại bào) các chất hữu cơ khó phân hủy - POP. Sử dụng các kỹ thuật sinh học phân tử, di truyền phân tử và enzyme hiện đại và cập nhật.	PGS.TS. Đặng Thị Cẩm Hà	1
36.	Nghiên cứu quá trình chuyển hóa, phân hủy và khoáng hóa các chất đa vòng thơm, enzyme ngoại bào ở các điều kiện kỵ khí, vi hiếu khí và hiếu khí nhằm tạo ra các qui trình công nghệ xử lý ô nhiễm bằng phân hủy sinh học (bioremediation)	PGS.TS. Đặng Thị Cẩm Hà	1
37.	Các chất chức năng sinh học	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Cúc	1
38.	Nghiên cứu ứng dụng các vi sinh vật và hoạt chất chức năng trong xử lý môi trường và nuôi trồng thủy sản	TS. Phạm Việt Cường	2
39.	Lĩnh vực Vector tái tổ hợp (adenovirus chứa gen kháng nguyên làm vaccine, chế phẩm chẩn đoán, kích ứng miễn dịch)	PGS.TS Lê Thanh Hoà	1
40.	Lĩnh vực Gen học virus gây bệnh ở động vật và người	PGS.TS Lê Thanh Hoà	1
41.	Sinh học phân tử thực vật	PGS.TS. Nguyễn Đức Thành TS. Nguyễn Thị Kim Liên	1-2
42.	Công nghệ gen thực vật	PGS.TS. Nguyễn Đức Thành TS. Nguyễn Thị Kim Liên	1-2
43.	Di truyền thực vật; Di truyền phân tử và tế bào thực vật	PGS.TS. Nguyễn Đức Thành TS. Nguyễn Thị Kim Liên	2
44.	Sinh lý thực vật	PGS.TS. Nguyễn Đức Thành TS. Nguyễn Thị Kim Liên	2
45.	Nghiên cứu ứng dụng sinh học phân tử trong chẩn đoán, phòng và trị bệnh ở động vật thủy sản (kit chẩn đoán, chất kích thích miễn dịch, vaccine)	TS. Nguyễn Chí Thuận TS. Nguyễn Hoàng Uyên	1-2
46.	Kháng thể tái tổ hợp, kháng thể phage và ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư, bệnh do virus. Nghiên cứu tương tác ở mức độ phân tử; Nghiên	PGS.TS. Lê Quang Huân	2-3

	cứu tiên hóa gen.		
--	-------------------	--	--